

Số: 165 /2024/CV-PTSV

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN /INFORMATION DISCLOSURE

- Kính gửi:
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia
National Financial Supervisory Commission
 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Stock Exchange
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Hanoi Stock Exchange
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree
Name of Company : Pinetree Securities Corporation

Trụ sở chính : Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Headquarter : 20th Floor, TNR Building, 54A Nguyen Chi Thanh Street, Dong Da district, Hanoi

Điện thoại : +84 24.6276 1818 Fax: +84 24.6275 0077
Tel : +84 24.6276 1818 Fax: +84 24.6275 0077

Người được thực hiện công bố thông tin: Bà Phan Thị Phương Thủy
Submitted by : Ms. Phan Thi Phuong Thuy

Chức vụ : Trưởng phòng Quản trị vận hành
Position : Head of Operation Management Department

Địa chỉ : Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Address : 20th Floor, TNR Building, 54A Nguyen Chi Thanh Street, Dong Da district, Hanoi

Điện thoại : +84 24.6276 1818 Fax: +84 24.6275 0077
Tel : +84 24.6276 1818 Fax: +84 24.6275 0077

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
Disclosure information type: : Periodic Irregular 24h On demand

Nội dung thông tin công bố:
The content of disclosure information:

- Báo cáo thường niên năm 2023.
The 2023 annual report.

Thông báo này và các tài liệu trên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty:
www.pinetree.vn tại ngày 05/05/2024.

This information and above documents were disclosed on Pinetree webpage and available at: www.pinetree.vn at 05/04/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; and that we shall be held liable for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2023.

Người được ủy quyền công bố thông tin
For and behalf of Pinetree
Representative authorized to disclosure information



Phan Thị Phương Thủy
TP. Quản trị Vận hành
Head of Operation Management Department

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Giải pháp tài chính số
Cho cuộc sống thịnh vượng bền vững



NỘI DUNG

1

THÔNG ĐIỆP

- 4 Thông điệp của Hội đồng Quản trị
- 5 Nguyên tắc hoạt động và mục tiêu

2

THÔNG TIN CHUNG

- 7 Thông tin khái quát
- 8 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Giới thiệu Tập đoàn Hanwha
- 11 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 11 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 12 Tóm tắt hành trình của Pinetree 3 năm gần nhất
- 14 Định hướng phát triển
- 14 Các rủi ro

3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

- 18 Tổng quan thị trường chứng khoán Việt Nam 2023
- 18 Tình hình hoạt động kinh doanh 2023
- 22 Tổ chức nhân sự
- 24 Tình hình tài chính
- 25 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 26 Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội

4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 29 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023
- 30 Tình hình tài chính 2023
- 32 Kế hoạch phát triển trong tương lai

5

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2023

- 34 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty năm 2023
- 34 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 34 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

6

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023

- 37 Hội đồng Quản trị
- 38 Ban Kiểm soát

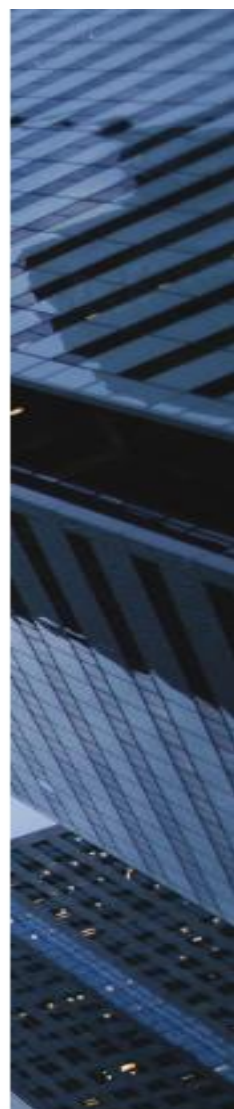
7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 42 Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính được kiểm toán



CHƯƠNG 1. THÔNG ĐIỆP



THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và Đồng nghiệp!

Năm 2023, trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến khó lường và ẩn chứa nhiều bất ổn, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao,... kinh tế Việt Nam đã đạt được các kết quả tích cực: kinh tế vĩ mô vẫn được đảm bảo ổn định, cơ sở hạ tầng không ngừng được nâng cấp, cải thiện, hợp tác quốc tế được mở rộng và đi vào chiều sâu... Đây là những tiền đề quan trọng để nền kinh tế có thể bứt phá trong thời gian tới. Tăng trưởng GDP của năm 2023 đạt 5.05%, mặc dù không đạt mục tiêu 6.5% đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 nhưng là kết quả tích cực và thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các sự kiện toàn cầu như Fed duy trì mặt bằng lãi suất cao, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt, áp lực suy thoái tại nhiều quốc gia... cũng như những động thái tích cực của cơ quan điều hành trong nước về cắt giảm lãi suất, ổn định tỷ giá, kiểm soát thị trường... Kết thúc năm 2023, chỉ số VN-Index đạt 1,130 điểm, tăng 12.2% so với cuối năm trước, bất chấp biến động phức tạp của thị trường chứng khoán trong nước và thế giới.

Năm 2023, tiếp tục chiến lược số hóa khác biệt “không có chi nhánh, không có môi giới, chỉ có nền tảng số” và tập trung cải tiến sản phẩm, nền tảng số, hệ thống ứng dụng giao dịch hiện đại giúp Pinetree chiếm được cảm tình của các nhà đầu tư. Pinetree tiếp tục cho ra mắt sản phẩm mới, hợp tác với nhiều đối tác lớn để đem đến các gói sản phẩm cũng như giải pháp tài chính ưu việt cho khách hàng, tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ sinh thái ứng dụng số để phục vụ nhà đầu tư bên cạnh việc được ưu đãi về lãi suất, phí giao dịch. Kết thúc năm 2023, Pinetree đã đạt được một số kết quả tốt với thị phần tăng 13.5% và nằm trong Top 20 thị phần của thị trường, lợi nhuận sau thuế tăng 71.2% và số tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới tăng 35.3% so với năm 2022.

Năm 2024 thị trường chứng khoán Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng lớn, đặc biệt khi kinh tế Việt Nam đang hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng, dòng vốn đầu tư toàn cầu, và nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược dựa trên các nền tảng vĩ mô ổn định, cùng với đó tăng trưởng trong nước dự phóng sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao so với khu vực và thế giới. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam dự kiến tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong năm 2024 khi yếu tố lạm phát và lãi suất diễn biến khó lường. Nhưng tôi có niềm tin rằng, với sự đồng hành của Quý Khách hàng, cùng đội ngũ quản lý chuyên nghiệp và chiến lược kinh doanh rõ ràng Công ty sẽ phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ trong thời gian tới.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời tri ân tới các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vì những nỗ lực hết mình đã đóng góp vào thành quả chung của Pinetree trong thời gian qua.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC**

LEE JUN HYUCK

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ MỤC TIÊU

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Pinetree không phát triển chi nhánh, không có môi giới, tập trung phát triển công nghệ và các ứng dụng giúp Khách hàng độc lập đầu tư, đồng thời liên tục tìm kiếm các đơn vị hợp tác phù hợp mang lại lợi ích cho Khách hàng và đem đến sự hài lòng cao nhất khi trải nghiệm giao dịch với chi phí thấp nhất. Đây là cách để Pinetree khác biệt so với các công ty chứng khoán khác.

SỨ MỆNH

Chia sẻ các cơ hội đầu tư có giá trị đến Khách hàng thông qua các sản phẩm, dịch vụ đa dạng của nền tảng tài chính số.

CHIẾN LƯỢC

Hoàn thiện vòng tròn trải nghiệm đầu tư nhằm gia tăng giá trị cho Khách hàng dựa trên các yếu tố Convenience – Thuận tiện, Transparency – Minh bạch, Reasonable Price – Giá hợp lý.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Customer-oriented:** Mục tiêu của Khách hàng là mục tiêu của công ty
- **Challenging:** Nỗ lực tối đa để đưa đến kết quả tốt nhất cho Khách hàng
- **Creative:** Sáng tạo trong xây dựng nền tảng tài chính số cung cấp dịch vụ cho Khách hàng
- **Collaborative:** Hợp tác để tạo ra sản phẩm phù hợp với Khách hàng.

MỤC TIÊU

Duy trì vị thế nền tảng đầu tư số hàng đầu Việt Nam.

TUYÊN BỐ GIÁ TRỊ

Công ty Chứng khoán số toàn diện (No. 1 All in one Fintech Platform).



CHƯƠNG 2. THÔNG TIN CHUNG



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông được thành lập và đi vào hoạt động theo Giấy phép số 10/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 18/02/2003.

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree**
- GPHĐKD lần đầu : 10/GPHĐKD ngày 18/02/2003
- Vốn điều lệ : 970.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của CSH : 1.480.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ : Tầng 20 tòa nhà TNR 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : (024) 6276 1818
- Fax : (024) 6275 0077
- Website : www.pinetree.vn
- Email : contact@pinetree.vn

Chính sách đặc biệt của Pinetree

Tập trung vào công nghệ số, Pinetree cung cấp các dịch vụ, sản phẩm nổi bật như 0 phí giao dịch trọn đời, hệ thống giao dịch nhanh và ổn định, nền tảng giao dịch dễ sử dụng



0% Phí

Ưu đãi trọn đời

Chính sách trọn đời KHÔNG phí giao dịch và lãi suất thấp cho nhà đầu tư



**Công nghệ
eKYC**

Công nghệ vượt trội

Hệ thống mở tài khoản trực tuyến để xác thực khách hàng bằng công nghệ eKYC



**Dễ
sử dụng**

Trải nghiệm ưu việt

Cung cấp cho khách hàng trong và ngoài nước các ứng dụng hiện đại, dễ sử dụng

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 02/2003	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông được thành lập và là một trong 10 công ty Chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam
Tháng 10/2017	Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán HFT
Tháng 01/2018	Lên sàn UPCOM (HNX) với mã chứng khoán HFT
Tháng 04/2019	HFT trở thành thành viên của Hanwha Investment & Securities (Hàn Quốc)
Tháng 09/2019	HFT tăng vốn điều lệ lên 615 tỷ đồng để mở rộng hoạt động kinh doanh
Tháng 11/2019	HFT đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree
Tháng 12/2019	Ra mắt ứng dụng giao dịch trên điện thoại (Stock123 và AlphaTrading). Stock123 là ứng dụng đầu tiên tại Việt Nam cho phép người dùng mở rộng kiến thức và thực hành đầu tư ảo trên cùng một ứng dụng
Tháng 07/2020	Số lượt tải ứng dụng Stock123 đạt 100.000, lọt Top 1 xu hướng trong các ứng dụng tài chính tại Việt Nam
Tháng 10/2020	Chính thức đưa vào vận hành hệ thống core mới hiện đại từ Hàn Quốc
Tháng 02/2021	Pinetree tăng vốn điều lệ lên 815 tỷ đồng
Tháng 07/2021	Thương hiệu duy nhất đạt được giải thưởng “Công ty Chứng khoán có bước chuyển mình mạnh mẽ về CNTT” trong khuôn khổ Diễn đàn Dịch vụ Tài chính do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) và Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB) tổ chức
Tháng 12/2021	Pinetree tăng vốn điều lệ lên 970 tỷ đồng, đồng thời ra mắt ứng dụng PineX nhằm hoàn thiện hệ sinh thái ứng dụng số phục vụ nhà đầu tư từ bước đầu làm quen thị trường cho đến khi trở thành những nhà đầu tư kinh nghiệm
Tháng 12/2022	Pinetree ra mắt sản phẩm trái phiếu PineB nhằm chia sẻ cơ hội đầu tư với khách hàng, giúp khách hàng đa dạng hóa danh mục đầu tư
Tháng 03/2023	Pinetree ra mắt sản phẩm danh mục đầu tư PineFolio nhằm đa dạng hóa cơ hội đầu tư với khách hàng

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 11/2023	Pinetree nhận giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh
Tháng 11/2023	Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

3. GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN HANWHA

Pinetree là thành viên của Hanwha Investment & Securities – một trong những công ty chứng khoán lớn nhất Hàn Quốc – trực thuộc Tập đoàn Hanwha từ năm 2019 .

Tập đoàn Hanwha

www.hanwha.com

Xếp hạng Fortune's Global 500 in 2023:

- **8** tại Hàn Quốc
- **296** toàn cầu

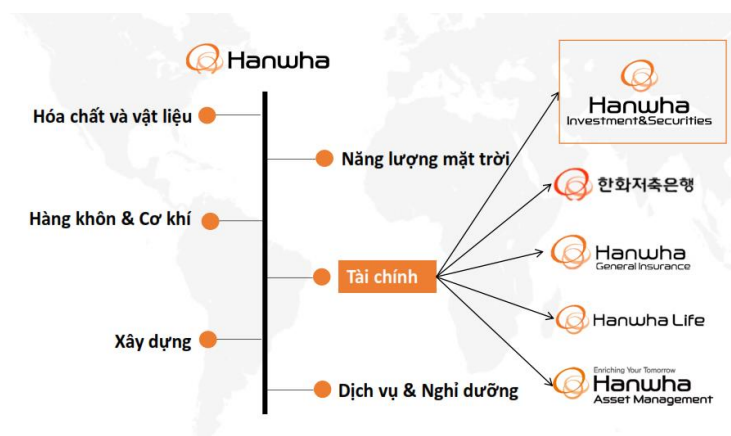
Mạng lưới 772 công ty con, chi nhánh toàn cầu

Tổng tài sản 31/12/2023
Triệu USD

162,031

Tổng doanh thu 2023
Triệu USD

41,049



Hanwha Investment & Securities

www.hanwhawm.com

Tổng tài sản 31/12/2023
Triệu USD

10,236

Tổng doanh thu 2023
Triệu USD

1,521

- Hơn 60 năm hình thành và phát triển từ năm 1962
- Nhà quản lý tài sản hàng đầu Hàn Quốc, cung cấp các dịch vụ quản lý tài sản toàn diện, bao gồm môi giới và mua lại cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ phái sinh, cũng như các dịch vụ bán hàng và quản lý tài sản cho các sản phẩm tài chính khác nhau
- Luôn đặt Khách hàng lên hàng đầu và xây dựng lòng tin của Khách hàng
- Tháng 7/2017, thành lập trung tâm nghiên cứu dữ liệu – Công ty phân tích Big Data đầu tiên tại Hàn Quốc trong lĩnh vực đầu tư tài chính để phát triển các cách thức độc đáo nhằm mang đến trải nghiệm đầu tư đơn giản và thuận tiện hơn cho Khách hàng của mình
- Tháng 12/2020, ra mắt công ty con Pinetree Securities Corporation tại Singapore

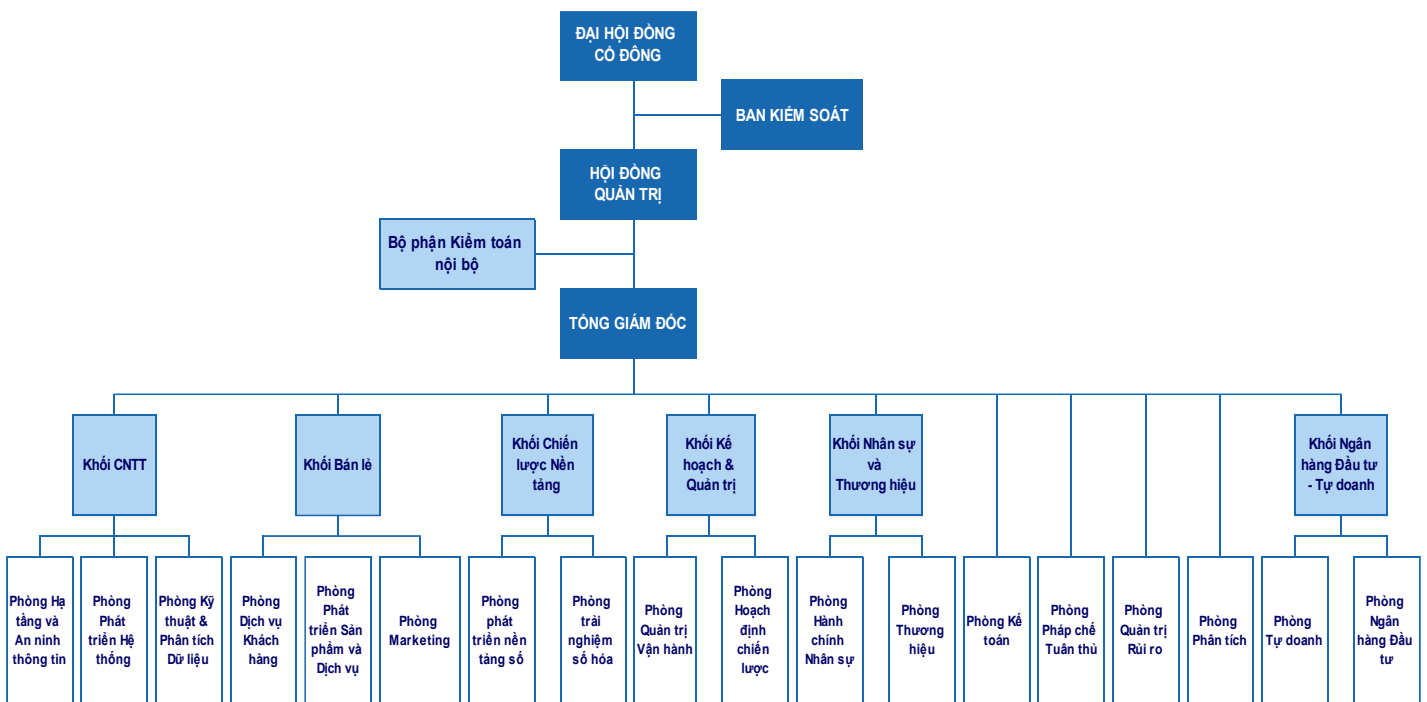
Pinetree đã và đang nhận được hỗ trợ tích cực từ Công ty mẹ và Tập đoàn trên nhiều phương diện như vốn, thương hiệu, quản lý và đặc biệt là về hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và tân tiến để phục vụ Khách hàng một cách tốt nhất.

4. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Môi giới chứng khoán
 - ✓ Tự doanh chứng khoán
 - ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - ✓ Bảo lãnh phát hành chứng khoán
 - ✓ Lưu ký chứng khoán
 - ✓ Phái sinh chứng khoán
- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh, thành phố cả nước.

5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC BỘ MÁY KINH DOANH

5.1. Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý



Cơ cấu bộ máy quản lý chi tiết ở Phần 2 Chương 2 Báo cáo này.

5.2 Các công ty con, công ty liên kết : Không có.

6. TÓM TẮT HÀNH TRÌNH TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT

<ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp hệ thống e-KYC theo tiêu chuẩn Châu Âu đảm bảo tốc độ và bảo mật. Ra mắt ứng dụng PineX giải pháp cho nhà đầu tư mới học hỏi kinh nghiệm từ những người thành công. Số lượng tài khoản giao dịch của Khách hàng tăng 128% YoY. Tăng vốn điều lệ từ 615 tỷ đồng lên 970 tỷ đồng. Thương hiệu duy nhất đạt được giải thưởng “Công ty Chứng khoán có bước chuyển mình mạnh mẽ về CNTT” trong khuôn khổ Diễn đàn Dịch vụ Tài chính do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế và Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp Alphatrading, Webtrading và hệ thống EKYC nhằm nâng cao trải nghiệm của Khách hàng từ khi bắt đầu mở tài khoản đến quá trình giao dịch chứng khoán. Ra mắt sản phẩm trái phiếu PineB nhằm chia sẻ cơ hội đầu tư với khách hàng, giúp khách hàng đa dạng hóa danh mục đầu tư. Năm 2022, số lượng tài khoản giao dịch của Khách hàng tăng 288% YoY. 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp Alphatrading, Webtrading và hệ thống EKYC nhằm nâng cao trải nghiệm của Khách hàng từ khi bắt đầu mở tài khoản đến quá trình giao dịch chứng khoán. Ra mắt sản phẩm danh mục đầu tư PineFolio nhằm đa dạng hóa cơ hội đầu tư với khách hàng. Đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh. Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
2021	2022	2023

Hệ sinh thái số phục vụ quá trình đầu tư của Khách hàng từ giai đoạn mới bắt đầu cho tới đầu tư chuyên nghiệp

 <p>e-KYC</p>	<p>Mở tài khoản trực tuyến chỉ với 2 phút, xác thực Khách hàng trực tuyến theo tiêu chuẩn Châu Âu</p>	 <p>Stock123</p>	<p>Học và thực hành đầu tư chứng khoán dễ dàng cho nhà đầu tư tìm hiểu trước khi gia nhập thị trường chính thức</p>
 <p>AlphaTrading</p>	<p>Ứng dụng quản lý tài sản và giao dịch chứng khoán hàng đầu thị trường</p>	 <p>PineX</p>	<p>Mạng xã hội của các nhà đầu tư, dễ dàng theo dõi danh mục đầu tư và kinh nghiệm từ những người thành công</p>
 <p>WebTrading</p>	<p>Cung cấp đầy đủ tính năng hỗ trợ đầu tư hiệu quả, ổn định với công nghệ tân tiến từ Hàn Quốc</p>	 <p>AI</p>	<p>Hợp tác với Wsoftpro để triển khai loạt sản phẩm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ngành chứng khoán</p>

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC



Chiến lược và mô hình kinh doanh rõ ràng, phù hợp với thời đại số, hoạt động thực tế bám sát chiến lược đề ra.



Đã và đang nhận được hỗ trợ tích cực từ Tập đoàn Hanwha trên nhiều phương diện như thương hiệu, quản trị, nhân lực chủ chốt, công nghệ, tài chính.



Hệ thống Core hiện đại bậc nhất, đã đưa vào vận hành từ cuối năm 2020, đảm bảo khả năng xử lý một khối lượng lớn lệnh giao dịch của Khách hàng có thể gia tăng nhanh trong tương lai; cùng với hệ sinh thái ứng dụng số đang ngày một hoàn thiện để phục vụ toàn diện Khách hàng.



Lợi nhuận sau thuế Công ty đạt được năm 2023 và số lượng Khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tăng trưởng mạnh.

- Thị phần năm 2023 tăng trưởng **13.5%** và thuộc nhóm Top 20 thị phần của thị trường.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt hơn **22.3** tỷ đồng, tăng **71.2%** so với năm 2022.
- Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng đến cuối năm 2023, tăng **35.3%** so với cuối năm 2022.
- Các ứng dụng **Stock123**, **PineX** tiếp tục thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư mới gia nhập thị trường, với số tài khoản mở mới tại Pinetree năm 2023 duy trì mức tăng trưởng tốt.

Với sự đa dạng hóa về sản phẩm đầu tư, cùng hệ sinh thái ứng dụng đa dạng và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, năm 2023 được kỳ vọng sẽ đánh dấu chặng đường phát triển mạnh mẽ của Pinetree trên con đường thực hiện sứ mệnh Chia sẻ các cơ hội đầu tư có giá trị đến Khách hàng.

7. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Bước sang năm 2024 và những năm tới được dự báo nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá còn nhiều dư địa phát triển bởi khi bối cảnh càng phức tạp, khó khăn thì yêu cầu trao đổi, phối hợp và thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế càng có ý nghĩa đặc biệt, mà Việt Nam hiện là thành viên quan trọng tại nhiều cơ chế chính thức và hợp tác nghiên cứu của khu vực Đông Nam Á và thế giới.

Đồng thời, trong xu thế bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp số và đặc biệt là trí thông minh nhân tạo AI, ngành tài chính toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đều đang hướng đến nền tài chính kỹ thuật số. Cùng với đó, các mô hình kinh doanh sáng tạo cho Khách hàng cá nhân sẽ ngày càng đa dạng. Việc ứng dụng các thành tựu trong công nghệ thông tin vào thị trường tài chính ngày càng lớn hơn, được coi là chìa khóa bắt buộc để có thể thành công và phát triển. Đây sẽ vừa là cơ hội và thách thức cho tất cả các tổ chức dịch vụ tài chính trong phát triển và phục vụ Khách hàng.

Thừa kế chiến lược tổng thể và giá trị cốt lõi của Hanwha Group và Hanwha Investment & Securities, Pinetree đang từng bước xây dựng và phát triển hệ thống nền tảng tài chính số nhằm hoàn thiện vòng tròn trải nghiệm đầu tư, gia tăng giá trị và lợi ích cho Khách hàng. Với nền tảng online hiện đại, trải nghiệm ưu việt, Pinetree sẽ tiếp tục hỗ trợ quá trình đầu tư của Khách hàng thông qua việc phát hiện và chia sẻ những cơ hội đầu tư giá trị.

Trong năm 2024, chúng tôi sẽ đưa đến nhiều sản phẩm chất lượng đến Khách hàng với mong muốn cùng xây dựng một cuộc sống tài chính thịnh vượng, bền vững cho khách hàng.

Chúng tôi tin rằng Pinetree cần có nhiều trách nhiệm hơn trong việc hướng dẫn Khách hàng trong việc đưa ra các quyết định đầu tư tốt hơn. Pinetree không chỉ cung cấp các sản phẩm tài chính, danh mục đầu tư phù hợp với khẩu vị của Khách hàng, mà còn mong muốn hỗ trợ Khách hàng để đạt được mức tăng trưởng ổn định trong phạm vi rủi ro mà Khách hàng chấp nhận. Pinetree tiếp tục hoàn thiện, mở rộng danh mục sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho Khách hàng, từng bước trở thành nền tảng đầu tư tài chính tất cả trong một (all – in – one), từng bước nâng cao thị phần môi giới chứng khoán, và duy trì vị thế nền tảng đầu tư số hàng đầu Việt Nam.

8. CÁC LOẠI RỦI RO

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán nói riêng là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó. Pinetree chủ trương xác định các yếu tố rủi ro chính và xây dựng một hệ thống cũng như các biện pháp cụ thể để kiểm soát và loại trừ các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn này. Tóm lược các yếu tố rủi ro chính như sau:

8.1 Rủi ro thị trường

Thị trường tài chính và thị trường chứng khoán được coi là phong vũ biểu của nền kinh tế, điều này cũng có ý nghĩa thị trường chứng khoán chịu ảnh hưởng trực tiếp của các chính sách vĩ mô, mức độ tăng trưởng của nền kinh tế, các yếu tố khác của nền kinh tế như: lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính... Việc biến động trong các yếu tố như tốc độ tăng trưởng, tỷ giá hối đoái, mức độ thanh khoản của thị trường, chi phí vốn..., sẽ tác động trực tiếp đến thị trường từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

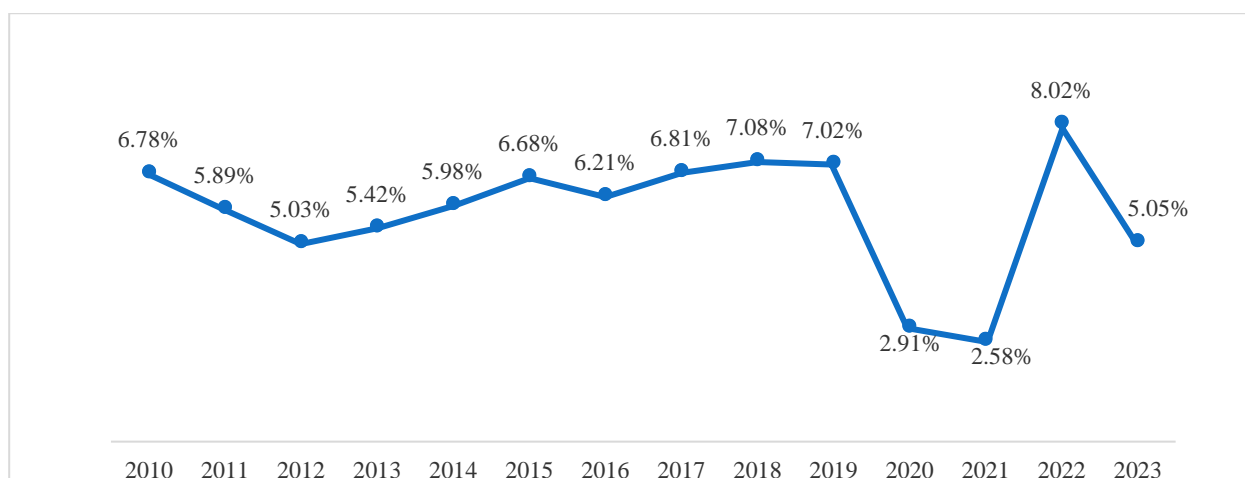
8.2 Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng phản ánh khả năng tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề và lĩnh vực kinh tế. Những năm trước khi dịch Covid-19 bùng phát, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định so với các nước trên thế giới nói chung và trong khu vực nói riêng. Năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tăng trưởng GDP cả nước đã chứng kiến sự sụt giảm đáng kể từ mức 7.02% năm 2019, xuống còn 2.91% năm 2020 và 2.58% năm 2021. Năm 2022 khi nền kinh tế mở cửa toàn diện với thế giới sau đại dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng đạt 8.02%, đây là mức tăng trưởng cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đến năm 2023, GDP của Việt Nam tăng 5.05% so với năm trước, cao hơn tốc độ tăng trưởng của năm 2020 và 2021, nhưng thấp hơn các năm còn lại trong giai đoạn 2013 – 2023. Tuy không đạt mục tiêu 6.5% đề ra nhưng Việt Nam thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới.

Năm 2024, dự báo tình hình kinh tế thế giới năm 2024 vẫn còn chịu nhiều thách thức và bất ổn. Ngoài căng thẳng địa chính trị, biến đổi khí hậu và thiên tai khiến bức tranh kinh tế thế giới dù có nhiều gam màu sáng hơn, nhưng vẫn chưa phục hồi như trước đại dịch COVID-19. Kinh tế trong nước, sẽ đối diện nhiều khó khăn và thách thức, nhất là là suy thoái kinh tế toàn cầu, thắt chặt tiền tệ ở một số nước phát triển và sự gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng do căng thẳng địa chính trị gia tăng; thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý, thiên tai, dịch bệnh bão lũ, biến đổi khí hậu... trong bối cảnh trên, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 đạt từ 6.0%-6,5%.

Đối với dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Việt Nam, các tổ chức quốc tế nhận định kinh tế Việt Nam vẫn kiên cường và sự phục hồi dự kiến sẽ khởi sắc trong thời gian tới, theo đó: IMF dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Việt Nam đạt 5.8%; WB dự báo đạt 5.5%; ADB dự báo đạt 6.0%.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2010 – 2023



Nguồn: www.gso.gov.vn

8.3 Rủi ro luật pháp

Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các Luật, Nghị định... liên quan đến Luật doanh nghiệp, thuế,... Bên cạnh đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là lĩnh vực chứng khoán nên công ty cũng chịu sự điều chỉnh của các quy định khác về chứng khoán.

Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho Doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn bảo đảm theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

8.4 Rủi ro vận hành

Các yếu tố như hệ thống vận hành, sự cố kỹ thuật của hệ thống IT, hành vi gian lận, lừa đảo hoặc tặc trách của nhân viên... cũng có những ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự vận hành bình thường của hoạt động kinh doanh công ty như lỗi, gián đoạn kinh doanh, giấy phép bị tạm thu hồi, uy tín ảnh hưởng...

8.5 Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên, các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Tổng quan hoạt động Quản trị rủi ro

Ý thức được sự nhạy cảm và mức độ rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, Công ty đã xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro với cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh, với khung quản trị rủi ro được xây dựng và phát triển, cập nhật từng thời kỳ nhằm nhận diện, ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý các rủi ro có thể gặp phải trong quá trình hoạt động.

Công ty luôn quán triệt trên toàn hệ thống, từ định hướng của Hội đồng Quản trị tới hoạt động của các phòng ban và từng cán bộ nhân viên về văn hóa nhận thức rủi ro và văn hóa tuân thủ, nhằm đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả, bền vững, giảm thiểu tối đa rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.



**CHƯƠNG 3.
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2023**



1. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2023

Năm 2023 kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, lạm phát cao, thương mại toàn cầu sụt giảm, giá cả hàng hóa cơ bản biến động mạnh, xung đột địa chính trị. Bên cạnh đó, ngân hàng trung ương các nước tiếp tục tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát, đồng USD quốc tế biến động mạnh, đồng tiền nhiều nước mất giá cũng gây tác động tiêu cực đối với kinh tế trong nước. Mặc dù vậy, diễn biến TTCK phản ánh kỳ vọng tích cực của thị trường về triển vọng kinh tế và hoạt động của các doanh nghiệp. Cùng với tình hình phục hồi của nền kinh tế, Thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến sự phục hồi tốt và đạt được một số kết quả sau:

- Tại 31/12/2023, chỉ số VN-Index đạt 1,130 điểm, tăng 12.2% so với cuối năm trước, bất chấp biến động phức tạp của thị trường chứng khoán thế giới.
- Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 5.87 triệu tỷ đồng, tăng 11.7% so với năm 2022, tương đương 56.4% so với GDP theo giá hiện hành năm 2023 (10.22 triệu tỷ đồng ~ 430 tỷ USD).
- Trong năm 2023, TTCK tiếp tục thu hút sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư, tổng số tài khoản chứng khoán vẫn tăng 395,290 tài khoản so với cuối năm 2022, đưa tổng số lượng tài khoản chứng khoán lên hơn 7.29 triệu tài khoản, tương đương 7.3% dân số, vượt mức 5% dân số theo mục tiêu được Chính phủ đưa ra trong Đề án Cơ cấu lại TTCK và bảo hiểm đến năm 2022, định hướng đến năm 2025. Đáng chú ý, tháng 11/2023 lần đầu tiên số liệu tài khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận sụt giảm đột ngột khi hơn 545.000 tài khoản bị xóa khỏi hệ thống và số bị xóa lớn gấp nhiều lần số tài khoản mở mới, nguyên nhân chủ yếu do hoạt động rà soát, triển khai kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chuẩn hóa cơ sở dữ liệu Nhà đầu tư.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

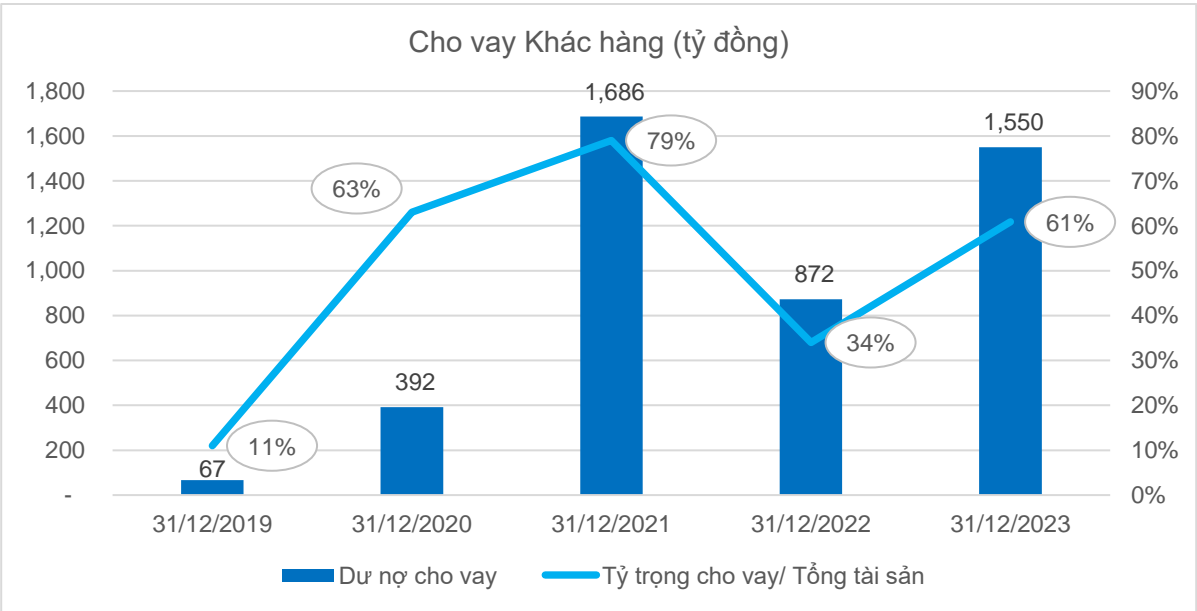
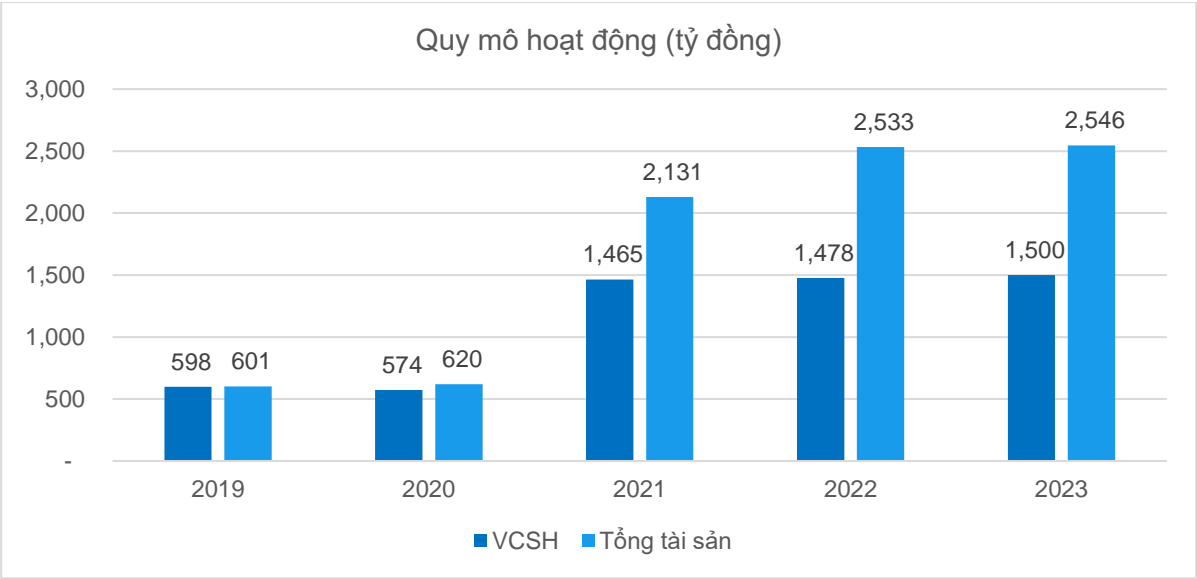
Trong năm 2023, Pinetree tăng cường xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho hoạt động kinh doanh của công ty, cũng như phát triển các nền tảng, ứng dụng và sản phẩm chất lượng nhằm chia sẻ các cơ hội đầu tư giá trị đến khách hàng.

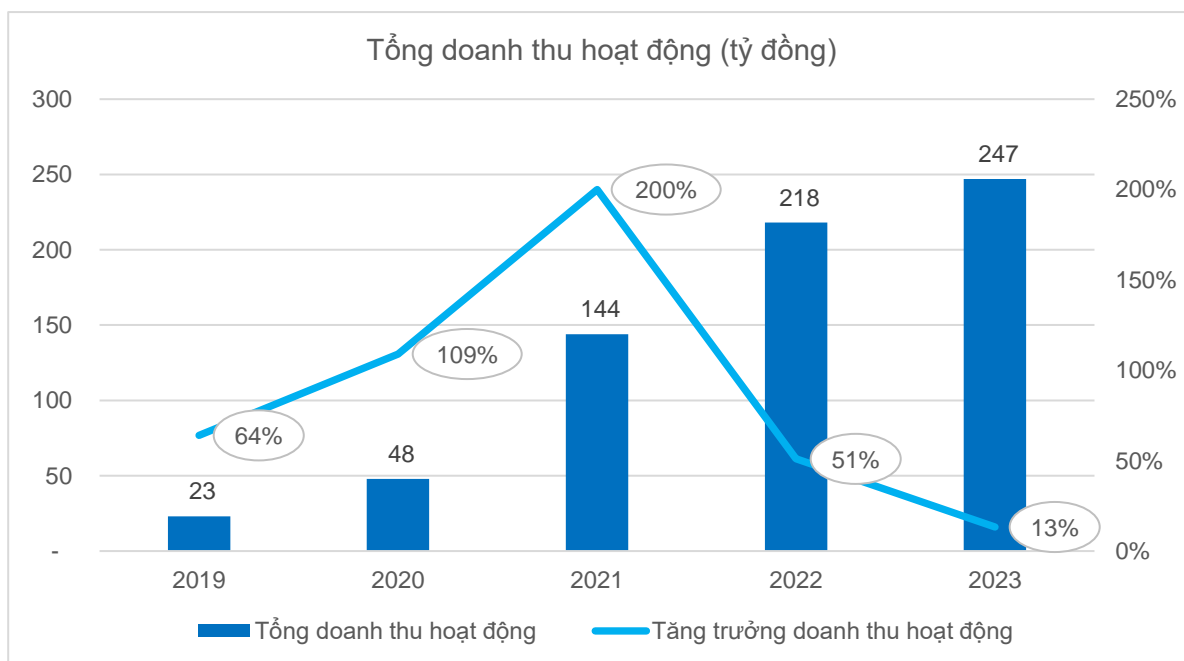
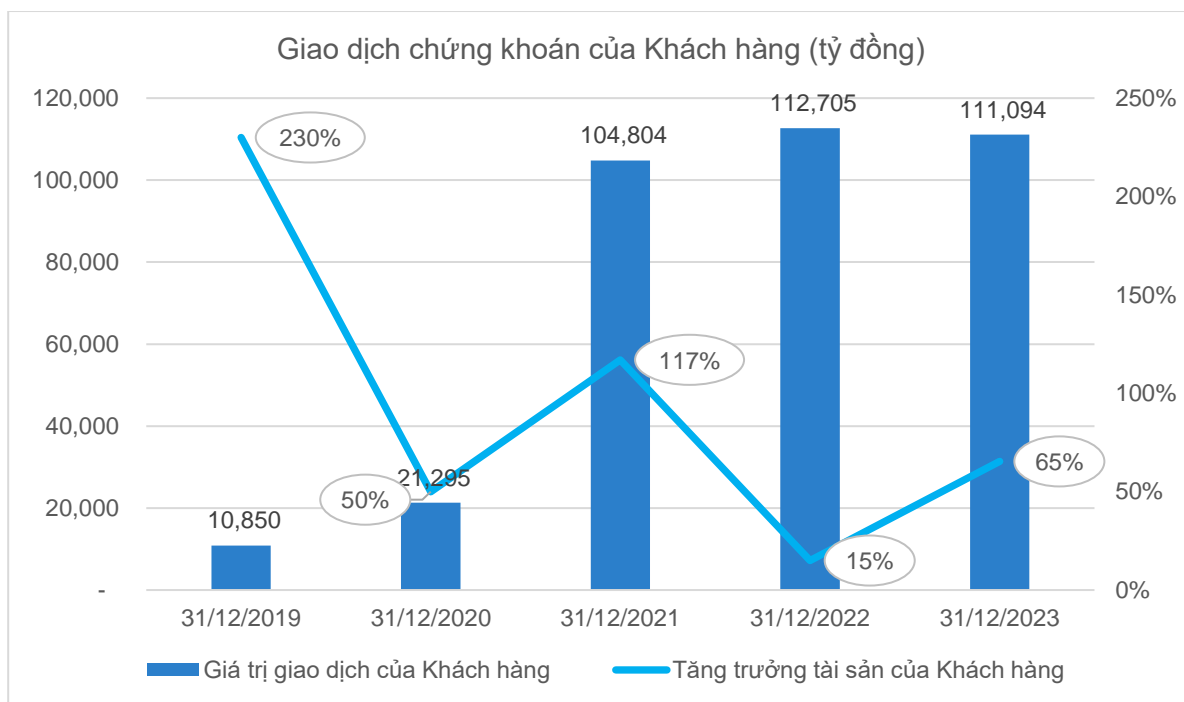
Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 chịu tác động bởi nhiều yếu tố trái chiều và có diễn biến giằng co, tuy nhiên xu hướng hồi phục vẫn là chủ đạo. Từ đầu năm 2023, Pinetree đã có những bước chuẩn bị kỹ lưỡng từ nội tại doanh nghiệp, nhờ vậy tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đã đạt một số kết quả tích cực như: số lượng tài khoản Khách hàng giao dịch chứng khoán tại Pinetree tiếp tục tăng mạnh trong năm 2023, tăng 35.3% so với cuối năm 2022; tổng doanh thu đạt 251 tỷ đồng, tăng gần 13.5% so với năm 2022; lợi nhuận sau thuế đạt hơn 22 tỷ đồng, tăng 71.2% so với năm 2022.

TỔNG SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TĂNG 35.3%

TỔNG DOANH THU 251 tỷ đồng TĂNG 13.5%

LỢI NHUẬN SAU THUẾ 22 tỷ đồng TĂNG 71.2%





1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023

a. Kết quả kinh doanh

Bảng 1: Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2023 (triệu đồng)

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2022	Thay đổi
1	Doanh thu hoạt động	247,056	217,992	13.33%
2	Lợi nhuận sau thuế	22,333	13,048	71.16%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Pinetree

Cả năm 2023, Pinetree đạt hơn 247 tỷ đồng doanh thu hoạt động, tăng 13.33% so với năm 2022 nhờ thu hút được thêm một lượng lớn Khách hàng giao dịch chứng khoán tại Pinetree. Sau khi tập trung ưu tiên nguồn lực để mở rộng bộ máy nhân sự, phát triển hệ thống công nghệ, cơ sở hạ tầng đến nay quy mô hoạt động kinh doanh được mở rộng mạnh mẽ. Ngoài hoạt động môi giới và cho vay, Công ty cũng thúc đẩy sự phát triển của các hoạt động ngân hàng đầu tư, tự doanh nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của Khách hàng.

b. Cơ cấu chi phí:

Trong năm 2023, Công ty tuyển dụng thêm nhiều nhân sự, mở rộng hoạt động kinh doanh, cũng như tiếp cận thêm các nguồn vốn vay. Do đó, tổng chi phí tăng 9.40% so với năm 2022, tuy nhiên tốc độ tăng tổng chi phí thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng doanh thu hoạt động (tăng 13.33% so với năm trước), điều này một phần giúp lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng mạnh so với năm 2022.

Bảng 2: Cơ cấu tổng chi phí giai đoạn 2022 – 2023 (triệu đồng)

Yếu tố chi phí	Năm 2023		Năm 2022	
	Giá trị	% Chi phí	Giá trị	% Chi phí
Chi phí Hoạt động	97,531	43.71%	99,473	48.78%
Chi phí Tài chính	60,967	27.33%	48,801	23.93%
Chi phí Quản lý CTCK	64,609	28.96%	55,177	27.06%
Chi phí khác	0	0.00%	491	0.24%
TỔNG	223,107	100.00%	203,942	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Pinetree

Bảng 3: Cơ cấu chi phí hoạt động giai đoạn 2022 – 2023 (triệu đồng)

Yếu tố chi phí	Năm 2023		Năm 2022	
	Giá trị	% CPHĐ	Giá trị	% CPHĐ
Chi phí Môi giới	89,002	91.26%	94,962	97.37%
Chi phí các dịch vụ hỗ trợ	2,465	2.53%	1,792	1.54%
Chi phí Tư vấn	0	0.00%	0	0.00%
Chi phí khác	6,063	6.22%	2,719	1.09%
TỔNG	97,530	100.00%	99,473	100.00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Pinetree

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng 4: Kết quả kinh doanh năm 2023 so với Kế hoạch (triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch 2023	% kế hoạch
Doanh thu hoạt động (không bao gồm doanh thu tài chính)	247,056	247,200	99.94%
Lợi nhuận trước thuế	27,916	8,500	328.42%

Nguồn: Pinetree

3. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

3.1. Đội ngũ lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động trong Công ty là 107 người, đạt tỷ lệ tăng trưởng 12.6% so với năm 2022 (95 người). Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 5: Tình hình lao động trong Công ty

Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo quốc tịch	107	100.00%
• Việt Nam	104	97.20%
• Nước ngoài	3	2.80%
Phân theo trình độ học vấn	107	100.00%
• Trên Đại học	15	14.02%
• Đại học	89	83.18%
• Cao đẳng, trung cấp	3	2.80%
• Lao động khác	0	0%
Phân theo tính chất hợp đồng lao động	107	100.00%
• Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	14	13.09%
• Hợp đồng lao động xác định thời hạn 1-3 năm)	88	82.24%
• Hợp đồng lao động xác định thời hạn (dưới 1 năm)	0	0.00%
• Hợp đồng thử việc	5	4.67%

Nguồn: Pinetree

3.2. Nhân sự chủ chốt

Bảng 6: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Ngày không còn là Thành viên HĐQT	Số lượng cổ phần nắm giữ
Hội đồng quản trị				
1	Ông Noh Eun Woo	Chủ tịch	22/10/2021	0
2	Ông Lee Jun Hyuck	Thành viên	15/05/2019	0

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Ngày không còn là Thành viên HĐQT	Số lượng cổ phần nắm giữ
3	Ông Nguyễn Huy Dương	Thành viên không điều hành	15/05/2019	0
Ban kiểm soát				
1	Ông Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng Ban	05/05/2023	0
2	Ông Lee Jun Hyeob	Thành viên	15/05/2019	0
3	Ông Kim Ji Yoon	Thành viên	15/05/2019	0
Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Lee Jun Hyuck	Tổng Giám đốc	26/08/2019	0
Kế toán trưởng				
1	Bà Đinh Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	04/10/2019	0

Nguồn: Pinetree

KINH NGHIỆM CỦA NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG LEE JUN HYUCK Tổng Giám đốc



- Thạc sỹ Thống kê kinh tế, Đại học Columbia (Mỹ), Cử nhân kinh tế, Đại học Quốc gia Seoul
- Ông Lee có trên 23 năm kinh nghiệm về mảng sản phẩm tài chính, đầu tư. Với thị trường Việt Nam ông đã có nhiều năm tìm hiểu và tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong bộ phận kinh doanh toàn cầu của Hanwha Investment & Securities Co.,Ltd.
- Ông có 18 năm kinh nghiệm tại các chức vụ quản lý, giám đốc các bộ phận kinh doanh toàn cầu, sản phẩm phái sinh, chiến lược đầu tư và kinh doanh toàn cầu tại Hanwha Investment & Securities trước khi là TGD CTCP Chứng khoán Pinetree từ 15/05/2019.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1. Tình hình tài chính

Tại thời điểm cuối năm 2023, tổng giá trị tài sản của Pinetree đạt 2,546 tỷ đồng, tăng 0.49% so với cuối năm 2022. Vốn chủ sở hữu của Công ty vào ngày 31/12/2023 đạt 1,500 tỷ đồng, tăng 1.51% so với cuối năm 2022 do đóng góp từ kết quả kinh doanh năm 2023 vào lợi nhuận chưa phân phối. Nợ phải là 1,046 tỷ đồng, giảm 0.94% so với cuối năm 2022 và nằm trong giới hạn cho phép.

Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2022 – 2023 (triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Thay đổi
Tổng giá trị tài sản	2,545,673	2,533,215	0.49%
Nợ phải trả	1,045,520	1,055,395	-0.94%
Vốn chủ sở hữu	1,500,154	1,477,821	1.51%
Doanh thu hoạt động	247,056	217,992	13.33%
Lợi nhuận trước thuế	27,916	17,222	62.09%
Lợi nhuận sau thuế	22,333	13,048	71.16%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Pinetree

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 8: Các chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2022 – 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2023	2022
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	Triệu đồng	970,000	970,000
Tổng tài sản	Triệu đồng	2,545,673	2,533,215
Tỷ lệ tự tài trợ	%	58.93	58.34
Tỷ lệ an toàn tài chính	%	1,267.99	710.91
Tổng nợ/VCSH	%	69.69	71.42
Tổng nợ/Tổng tài sản	%	41.07	41.66
2. Chất lượng tài sản			
Dư nợ cho vay	Triệu đồng	1,549,752	871,587
Tỷ lệ suy giảm giá trị các khoản cho vay	%	0	0
Tỷ lệ các khoản phải thu/ TTS	%	1.28	0.92
Tỷ lệ phải thu khó đòi	%	0	0
Tỷ lệ dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	%	0.001	0

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2023	2022
3. Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngay	%	62.8	77.6
Khả năng thanh toán chung	%	237.41	233.27
4. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16.59	14.82
Doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân (Vòng quay tổng tài sản)	%	9.73	9.35
5. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9.04	5.99
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1.49	1.51
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0.88	0.88

Nguồn: Pinetree

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. Cơ cấu cổ đông

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: **97,000,000** cổ phần, trong đó:

- Cổ phiếu phổ thông: **97,000,000** cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: **0** cổ phần
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: **không có**

Công ty không có cổ phiếu giao dịch tại nước ngoài.

b. Cơ cấu cổ đông

Bảng 9: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2023

Đối tượng	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
(1)	(2)	(3)	(4)=(2) + (3)	(5)
1. Cổ đông trong nước	0	6,600	6,600	0.01%
2. Cổ đông nước ngoài	87,000,000	9,993,400	96,993,400	99.99%
Tổng Cộng	87,000,000	10,000,000	97,000,000	100%
Cổ đông nắm giữ dưới 5%	0	6,600	6,600	0.01%
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	87,000,000	9,993,400	96,993,400	99.99%
Tổng Cộng	87,000,000	10,000,000	97,000,000	100%

Nguồn: Pinetree

5.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có

5.4. Các chứng khoán khác:

Không có.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

6.1. Tiêu thụ năng lượng và nước

Pinetree luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Do đó Công ty luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, xây dựng văn hóa hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp. Theo đó Công ty luôn tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa, tuyên truyền việc nâng cao ý thức tiết kiệm đến các cán bộ nhân viên.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

7. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

a. Số lượng lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, Công ty có tổng số 107 lao động.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần. Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đã ký thỏa đáng cho người lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc hạng A, kang trang, thoáng mát, đầy đủ tiện nghi.

CBNV được đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, chăm sóc dưỡng sức phục hồi sức khỏe, hưởng các chế độ phúc lợi như lễ, Tết, phép năm.

c. Hoạt động đào tạo:

Nhận thức rõ chất lượng lao động đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của Công ty. Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên. Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức:

cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo. Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

Công ty thực hiện quy chế đào tạo theo nhu cầu của từng nhân viên, từng bộ phận trong mỗi thời kỳ phù hợp nhằm nâng cao năng lực và tạo điều kiện phát triển cho nhân viên.

Bên cạnh việc tạo điều kiện cho nhân viên được tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực theo nhu cầu. Công ty còn tổ chức các buổi hướng dẫn nội bộ giữa nhân sự cũ và nhân sự mới, giữa các lao động ít kinh nghiệm và các lao động giàu kinh nghiệm để tăng cường trao đổi, học hỏi qua đó nâng cao trình độ năng lực của người lao động.

d. Chính sách lương thưởng:

Áp dụng theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CBNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương trong Công ty, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện thưởng cho các CBNV trên cơ sở lương chức danh công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Người lao động luôn có cơ hội bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý theo năng lực cá nhân. Công ty khuyến khích và tài trợ kinh phí cho cán bộ công nhân viên được học tập nâng cao nghiệp vụ, tay nghề trong và ngoài nước.

e. Chế độ chính sách khác đối với người lao động:

CBNV được hưởng chính sách bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe. Công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: chế độ trợ cấp CBNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tổ chức thăm hỏi động viên người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất... Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

CHƯƠNG 4. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2023

Trong năm 2023, Pinetree đã tăng cường tuyển dụng nhân sự chất lượng cao để đáp ứng cho hoạt động kinh doanh của công ty. Cùng với việc xây dựng và nâng cấp nền tảng số, Công ty cũng cho ra mắt một số sản phẩm mới nhằm mang đến sự hỗ trợ và lợi ích tối đa cho nhà đầu tư cũng như các chương trình thu hút khách hàng để phát triển hoạt động kinh doanh. Nhờ vậy doanh thu hoạt động năm 2023 đạt hơn 247 tỷ đồng, tăng 13.3% so với năm 2022.

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu hoạt động trong năm 2021 – 2023

Cơ cấu Doanh thu hoạt động	2023		2022		2021	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
DT Môi giới	33,393	13.52%	34,012	15.60%	35,032	24.27%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	136,939	55.43%	122,728	56.30%	89,115	61.75%
DT tự doanh	36,667	14.84%	28,242	12.96%	10,331	7.16%
Doanh thu khác	40,058	16.21%	33,010	15.14%	9,844	6.82%
TỔNG	247,057	100.00%	217,992	100.00%	144,322	100.00%

Nguồn: Pinetree

Hoạt động môi giới chứng khoán

Nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới hơn 391 nghìn tài khoản chứng khoán trong năm 2023, tăng trưởng 5.7% so với năm trước, tổng số tài khoản giao dịch chứng khoán trong nước đạt hơn 7.29 triệu tài khoản, tương đương khoảng 7.3% dân số, dù vậy đây vẫn là tỷ lệ khá thấp so với nhiều quốc gia khác trong khu vực châu Á. Do đó, thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay được đánh giá vẫn còn nhiều dư địa phát triển.

Tại Pinetree, Nhà đầu tư có thể dễ dàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với tiện ích mở tài khoản online trên app hoặc website của công ty chỉ trong 2 phút, đồng thời Pinetree tiếp tục duy trì chính sách phí giao dịch 0% trọn đời ngay từ đầu cho tất cả các nhà đầu tư. Vì vậy trong năm 2023, số tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới tại Pinetree tăng mạnh 35.3% so với năm 2022.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ

Giao dịch ký quỹ là dịch vụ hỗ trợ vốn cho Khách hàng dưới hình thức vay vốn để thực hiện giao dịch mua chứng khoán nằm trong danh mục quy định của UBCK. Với danh mục chứng khoán cho vay đa dạng, tỷ lệ hỗ trợ vốn đến 50%, Khách hàng có thể nhanh chóng gia hạn khoản vay với mức lãi suất thấp (9.9%/năm). Việc sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ tại Pinetree sẽ giúp Khách hàng gia tăng lợi suất đầu tư với chi phí vốn thấp nhất thị trường.

Xuất phát từ mong muốn tạo giá trị gia tăng cho Khách hàng, Pinetree tiếp tục cập nhật và nâng cấp các nền tảng giao dịch trực tuyến như web trading, app trading (Alphatrading), và các ứng dụng mang tính hỗ trợ cho nhà đầu tư như Stock123, PineX...nhằm nâng cao và hoàn thiện trải nghiệm của nhà đầu tư từ giai đoạn mới làm quen thị trường cho đến khi trở thành nhà đầu tư có kinh nghiệm.

Đa dạng hóa hoạt động kinh doanh nhằm đưa nhiều sản phẩm, dịch vụ chất lượng đến Khách hàng

Chiến lược số hóa khác biệt “Không có chi nhánh, không có môi giới, chỉ có nền tảng số” tiếp tục giúp Pinetree chiếm được cảm tình của các nhà đầu tư. Pinetree tiếp tục tập trung cải tiến sản phẩm, nền tảng số và hệ thống ứng dụng giao dịch hiện đại để nâng cao trải nghiệm đầu tư cho khách hàng. Tháng 3/2023, Pinetree cho ra mắt sản phẩm đầu tư theo chủ đề PineFolio với hai danh mục “Up Vietnam” và “Live green – Eat clean” được nghiên cứu và thiết kế kỹ lưỡng bởi đội ngũ chuyên gia của Công ty. Với số vốn ban đầu thấp, khách hàng không chỉ có cơ hội gia tăng tài sản bằng việc chủ động lựa chọn nhiều mức đầu tư phù hợp với mục tiêu và tình hình tài chính, mà còn giảm thiểu rủi ro của việc đầu tư vào một doanh nghiệp đơn lẻ thông qua danh mục đa dạng.

Một điểm sáng trong chuỗi hoạt động của Pinetree cũng như sân chơi thị trường chứng khoán năm qua là cuộc thi đầu tư chứng khoán “Chứng trường bạc tỷ” do Pinetree và CafeF đồng tổ chức từ tháng 8/2023. Không chỉ có giải thưởng lớn, độc đáo, cuộc thi còn mang lại cho nhà đầu tư cơ hội theo dõi và học hỏi kinh nghiệm từ những “cá mập” gạo cội trên thị trường. Tính đến hết năm 2023, cuộc thi đã thu hút hơn 7,000 nhà đầu tư đăng ký tham dự, vòng 1 cuộc thi đã kết thúc ấn tượng ngay cả khi thị trường trong thời gian thi đấu biến động bất lợi với tổng giải thưởng 210 triệu đồng được trao cho 9 Nhà đầu tư thắng cuộc.

Năm 2023 còn là năm đánh dấu những nỗ lực nhằm ra mắt sản phẩm và dịch vụ mới cũng như mở rộng hoạt động kinh doanh của Pinetree bằng việc Công ty chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh vào 11/2023. Cũng trong tháng 11/2023, Pinetree chính thức trở thành thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và bắt đầu triển khai các dịch vụ liên quan đến Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ ngày 20/11/2023.

Cùng với sự đầu tư, phát triển nền tảng số phục vụ Nhà đầu tư, Công ty đã xây dựng các chính sách nguồn lực phù hợp nhằm thu hút các nhân sự tài năng cho hoạt động mới của Công ty như mảng ngân hàng đầu tư và Tự doanh. Bên cạnh phát triển nền tảng nhằm tạo thuận tiện cho Khách hàng trong quá trình giao dịch chứng khoán, Công ty định hướng tìm kiếm, cung cấp và giới thiệu các cơ hội đầu tư, nhằm đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư cho Khách hàng. Đây sẽ là mục tiêu hoạt động của bộ phận Ngân hàng đầu tư và Tự doanh của Công ty, với phương châm đồng hành phát triển cùng Khách hàng trên con đường đi đến tự do tài chính và phát triển tài sản.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

2.1 Tình hình tài sản

Bảng 11: Một số chỉ tiêu tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	% tăng giảm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	2,482,204	2,461,899	0.82%
Tiền và các khoản tương đương tiền	147,557	69,032	113.75%
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	233,749	740,408	-68.43%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	509,000	750,000	-32.13%
Các khoản cho vay	1,549,752	871,587	77.81%
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	-

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	% tăng giảm
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-	-	-
Các khoản phải thu	31,533	22,043	43.05%
Trả trước cho người bán	675	644	4.81%
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	128	61	109.84%
Phải thu nội bộ	-	-	
Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	-	-	
Các khoản phải thu khác	837	1,194	-29.90%
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-23	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	8,996	6,930	29.81%
TÀI SẢN DÀI HẠN	63,470	71,318	-11.00%
Tài sản tài chính dài hạn	-	-	
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
Các khoản đầu tư	-	-	
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	-	-	
Tài sản cố định	48,127	58,028	-17.06%
Bất động sản đầu tư	-	-	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	399	-	0.00%
Tài sản dài hạn khác	14,944	13,290	12.45%
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,545,674	2,533,217	0.49%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Pinetree

Bảng 12: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	% tăng giảm
Các khoản cho vay	1,549,752	871,587	77.81%
· Hoạt động Margin	1,277,041	761,528	67.69%
· Hoạt động ứng trước tiền bán	272,711	110,059	147.79%
Các khoản phải thu	31,533	22,043	43.05%
Trả trước cho người bán	675	644	4.81%
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	128	61	109.84%
Các khoản phải thu khác	837	1,194	-29.90%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Pinetree

2.2 Tình hình nợ phải trả

Bảng 13: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	% tăng giảm
I. Nợ phải trả ngắn hạn	1,045,520	1,055,394	-0.94%
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	1,032,000	1,027,400	0.45%
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2,799	2,571	8.87%
3. Phải trả người bán ngắn hạn	273	489	-44.17%
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	0	0	0.00%
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6,766	7,337	-7.78%
6. Phải trả người lao động	0	49	-100.00%
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	2,668	16,927	-84.24%
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	1,014	621	63.29%
II. Nợ phải trả Dài hạn	0	0	0.00%
Tổng	1,045,520	1,055,394	-0.94%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Pinetree

3. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Không thay đổi đáng kể so với cuối năm 2022.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Tiếp tục bám sát triết lý kinh doanh lấy Khách hàng làm trọng tâm với sứ mệnh chia sẻ các cơ hội đầu tư có giá trị đến Khách hàng thông qua đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ của nền tảng tài chính số, nhằm duy trì vị thế nền tảng đầu tư số hàng đầu Việt Nam.

Bên cạnh hoạt động môi giới và hỗ trợ tài chính cho Khách hàng, Công ty sẽ tiếp tục thúc đẩy các dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm hoàn thiện vòng tròn trải nghiệm đầu tư nhằm gia tăng giá trị cho Khách hàng dựa trên các yếu tố Convenience – Thuận tiện, Transparency – Minh bạch, Reasonable Price – Giá hợp lý.

Với nền tảng công nghệ hiện đại mới sẵn sàng kết nối với hệ thống KRX của HOSE, công ty sẽ thực hiện các hoạt động bảo trì, nâng cấp khi cần thiết để đảm bảo giao dịch của Khách hàng được xử lý thông suốt và nhanh chóng.

5. GIẢI TRÌNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.

CHƯƠNG 5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2023

Trong năm 2023 các thành viên HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc đã tích cực phối hợp làm việc để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, cụ thể như sau:

- HĐQT đã định hướng phát huy tối đa mọi nguồn lực từ con người, nguồn vốn, thời gian hỗ trợ hoạt động kinh doanh
- Song song với phát triển về quy mô kinh doanh, công ty cũng chú trọng trong nâng cao chất lượng dịch vụ bằng các sản phẩm kỹ thuật số, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng trải nghiệm của Khách hàng
- Từng bước nâng cao năng lực trình độ quản lý của các cấp lãnh đạo phù hợp với quy mô phát triển của doanh nghiệp, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, bền vững
- Hỗ trợ công tác quản trị điều hành.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT đánh giá trong năm 2023 vừa qua Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ quy định. Ban Tổng Giám đốc đã cùng các cán bộ quản lý các cấp có nhiều nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh của Công ty. Kết quả thực hiện các công việc được ĐHCĐ và HĐQT chỉ đạo như sau:

- Công tác xây dựng hệ sinh thái nền tảng số: Cập nhật các phiên bản mới của hệ thống giao dịch cho Khách hàng gồm Webtrading và Mobile app trading (Alphatrading) tích hợp với core mới cũng như ứng dụng Stock123, và PineX.
- Công tác phát triển kinh doanh: Đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, nhằm mục tiêu cung cấp đầy đủ các dịch vụ, sản phẩm cho cả Khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức. Năm 2023, Pinetree đã nhận giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh; cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; và chính thức trở thành thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, tiến đến từng bước ra mắt thị trường các sản phẩm tài chính chất lượng trong thời gian tới.
- Chỉ đạo tổ chức thành công các sự kiện của công ty như Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và các sự kiện ra mắt sản phẩm mới của Công ty.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Dự báo tăng trưởng GDP thực của Việt Nam đạt 5.8% trong năm 2024, giữ vị trí cao thứ 3 trong khu vực ASEAN theo báo cáo Triển vọng kinh tế châu Á của IMF (tháng 10/2023). Ngoài ra, chỉ số P/E của TTCK Việt Nam hiện đang ở mức thấp và hấp dẫn (thấp hơn 7.3% so với mức P/E trung bình 5 năm), nhờ vậy thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 được kỳ vọng vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng trong trung và dài hạn. Dù vậy, bên cạnh các yếu tố thuận lợi nền kinh tế Việt Nam cũng như thị trường chứng khoán vẫn luôn phải đối mặt với một số yếu tố rủi ro. Các rủi ro chính như sau:

- Biến động khó lường của các biến số vĩ mô như lạm phát, tỷ giá dẫn đến việc thắt chặt các chính sách tài khóa/tiền tệ, điều này sẽ tác động mạnh đến trạng thái dòng tiền hiện nay của thị trường.
- Cuộc chiến tại Ukraine, cũng như xung đột Israel – Hamas kéo dài tác động đến vấn đề năng lượng và lương thực chưa lường hết được.
- Chính sách thắt chặt tiền tệ của Hoa Kỳ chưa kết thúc, đặc biệt là vòng xoáy lạm phát và nguy cơ suy thoái tại các nền kinh tế lớn.

Với những đánh giá về thị trường trong năm 2024, HĐQT sẽ tập trung vào các công việc:

- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường.
- Đưa ra các sản phẩm/dịch vụ mới chuyên sâu và đa dạng hơn để phục vụ khách hàng.
- Tập trung phát triển hệ sinh thái nền tảng số nhằm đem đến trải nghiệm đầu tư dễ dàng, thuận tiện, ổn định và nhanh chóng cho Khách hàng.
- Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng của hệ thống quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ để đưa các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng chất xám cao vì mục tiêu xây dựng cuộc sống thịnh vượng bền vững bằng các giải pháp tài chính số đến Khách hàng.
- Nâng cao năng lực quản trị công ty, tuân thủ, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ và tăng tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, an toàn và bền vững.



CHƯƠNG 6. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Pinetree gồm 03 thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty hiện tại như sau:

Bảng 14: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2023

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là Thành viên HĐQT
1	Ông Noh Eun Woo	Chủ tịch HĐQT	22/10/2021
2	Ông Lee Jun Hyuck	Thành viên HĐQT	15/05/2019
3	Ông Nguyễn Huy Dương	Thành viên HĐQT	15/05/2019

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:

Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị cũng như kế hoạch công tác năm 2023, Hội đồng Quản trị đã duy trì hoạt động với số lượng thành viên là 03 (ba) thành viên. Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp bất thường được triệu tập khi có yêu cầu.

Cũng trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định tập trung vào giải quyết chỉ đạo các nội dung quan trọng liên quan tới xây dựng chiến lược hoạt động của Công ty, triển khai kế hoạch kinh doanh, hoàn thiện các quy chế hoạt động để củng cố hệ thống quản trị của Công ty.

Bảng 15: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong năm 2023

TT	Ngày	Số thành viên tham dự	Nội dung
1	20/03/2023	3/3	Triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
2	10/05/2023	3/3	Thông qua bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2026 và Thỏa thuận Bảo lãnh thanh toán giữa Pinetree và Hanwha Investment & Securities Co. Ltd
3	09/08/2023	3/3	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
4	25/08/2023	3/3	Thông qua việc tái bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc
5	11/12/2023	3/3	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ và Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính của Pinetree

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành:

Không có.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị:

Không có

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

Bảng 16: Thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2023

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là Thành viên BKS
1	Ông Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng ban	05/05/2023
2	Ông Lee Jun Hyeob	Thành viên	15/05/2019
3	Ông Kim Ji Yoon	Thành viên	15/05/2019

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát (BKS) đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Pinetree cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty
- Kiểm soát các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị
- Tham gia các cuộc họp của Công ty về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm
- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của Pinetree
- Kiểm soát các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị
- Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập (là Công ty Kiểm toán có trong danh sách các Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2023 và có kinh nghiệm, uy tín trong công tác kiểm toán cho các Công ty niêm yết
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty
- Các công việc khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị, quy định của Điều lệ Công ty
- Trong năm 2023, BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành; đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình. HĐQT và BKS luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của Pinetree, bám sát nhiệm vụ được giao. Cả năm 2023, BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ.

Bảng 17: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2023

STT	Biên bản	Nội dung
1	01/BB-BKS	Về việc đánh giá công tác hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý trong 6 tháng cuối năm 2022 đồng thời đề ra kế hoạch hoạt động năm 2023
2	02/BB-BKS	Về việc đánh giá công tác hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý 6 tháng đầu năm 2023

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Bảng 18: Tổng hợp lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích trong năm 2023

STT	Tên cổ đông	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Thù lao được hưởng
I. Thù lao của Hội đồng Quản trị				
1	Ông Noh Eun Woo	Chủ tịch HĐQT (Từ 22/10/2021)	0	Tổng tiền lương, thù lao năm 2023 là 0 VNĐ
2	Ông Lee Jun Hyuck	TV. HĐQT	0	
3	Ông Nguyễn Huy Dương	TV. HĐQT	0	
II. Thù lao của Ban kiểm soát				
1	Ông Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng BKS	0	Tổng tiền lương, thù lao năm 2023 là 0 VNĐ
2	Ông Lee Jun Hyeob	Thành viên BKS	0	
3	Ông Kim Ji Yoon	Thành viên BKS	0	
III. Thù lao Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Lee Jun Hyuck	Tổng Giám đốc	0	Tổng tiền lương, thù lao năm 2023 là 5,418,528,110 VNĐ

Nguồn: Pinetree

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

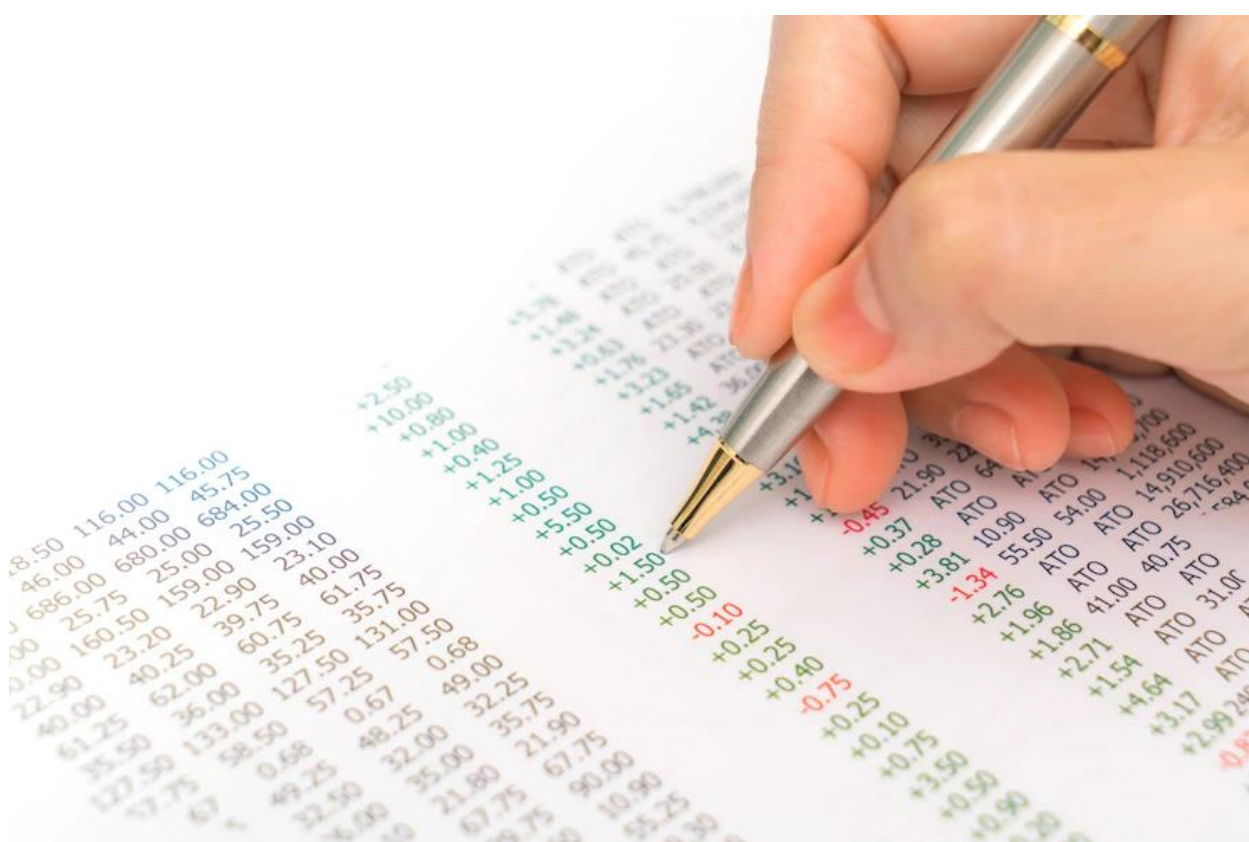
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	Tên các bên liên quan	Chức vụ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Hanwha Investment and Securities Co., Ltd	Công ty mẹ, cổ đông lớn	Phí bảo lãnh thanh toán	6,222,040,194 VNĐ

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Thực hiện đầy đủ.

CHƯƠNG 7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,

Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	5 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 - 38

1
C

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Noh Eun Woo	Chủ tịch
Ông Lee Jun Hyuck	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Dương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2023)
Bà Chu Thị Lụa	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2023)
Ông Lee Jun Hyeob	Thành viên
Ông Kim Ji Yoon	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lee Jun Hyuck	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Lan Phương	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,

Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024



Số: 0539/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 06 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phạm Tuấn Linh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2024-001-1

Nguyễn Khương Duy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 5063-2020-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		2.482.204.280.419	2.461.897.420.174
I. Tài sản tài chính	110		2.473.207.986.604	2.454.967.641.053
1. Tiền	111	4	147.556.781.512	69.031.549.737
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6	233.748.812.904	740.407.960.824
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	6	509.000.000.000	750.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	6	1.549.752.165.427	871.586.956.636
5. Các khoản phải thu	117		31.533.243.724	22.042.617.945
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	7	40.813.200	91.801.710
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7	31.492.430.524	21.950.816.235
6. Trả trước cho người bán	118	8	674.855.000	644.254.496
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7	128.333.712	60.579.592
8. Các khoản phải thu khác	122		836.663.908	1.193.721.823
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(22.869.583)	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		8.996.293.815	6.929.779.121
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	7.280.403.123	5.483.369.989
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		103.095.250	107.645.250
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		1.612.795.442	1.338.763.882
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250)	200		63.469.072.658	71.317.777.258
I. Tài sản cố định	220		48.126.528.061	58.028.207.669
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.374.767.454	12.671.210.799
- Nguyên giá	222		23.301.181.453	22.914.640.453
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(13.926.413.999)	(10.243.429.654)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	38.751.760.607	45.356.996.870
- Nguyên giá	228		68.476.367.401	65.292.467.401
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(29.724.606.794)	(19.935.470.531)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		399.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	250		14.943.544.597	13.289.569.589
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.248.486.840	1.248.486.840
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	9	1.766.219.797	2.785.380.090
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	12	11.928.837.960	9.255.702.659
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.545.673.353.077	2.533.215.197.432

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN=				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		1.045.519.749.906	1.055.394.693.035
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.045.519.749.906	1.055.394.693.035
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	13	1.032.000.000.000	1.027.400.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		1.032.000.000.000	1.027.400.000.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	14	2.798.673.161	2.571.295.218
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	15	272.890.238	488.663.026
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	6.765.892.354	7.337.159.997
5. Phải trả người lao động	323		-	49.179.650
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	2.668.088.174	16.927.260.559
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		1.014.205.979	621.134.585
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.500.153.603.171	1.477.820.504.397
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.500.153.603.171	1.477.820.504.397
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.480.000.000.000	1.480.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		970.000.000.000	970.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		970.000.000.000	970.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		510.000.000.000	510.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		1.321.976.000	1.321.976.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	417		18.831.627.171	(3.501.471.603)
3.1. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế đã thực hiện	417.1	19	18.831.299.766	(3.501.816.058)
3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		327.405	344.455
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		2.545.673.353.077	2.533.215.197.432

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	18	97.000.000	97.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK	008	20.1	98.783.810.000	4.557.110.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	008.1		98.743.810.000	4.466.110.000
<i>b. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	008.5		40.000.000	91.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	20.2	5.797.480.589.000	3.512.118.730.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		5.549.790.635.000	3.369.924.740.000
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2		5.603.800.000	736.670.000
<i>c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4		5.000.000	-
<i>d. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		242.081.154.000	141.457.320.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	20.3	47.082.060.000	8.381.920.000
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		47.082.060.000	7.061.920.000
<i>b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2		-	1.320.000.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)				
3. Tiền gửi của khách hàng	026		802.712.745.095	549.188.401.467
3.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027	20.4	706.373.558.764	338.088.924.195
3.1.a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027.1		706.373.558.764	338.088.924.195
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	20.4	96.337.373.589	211.048.028.294
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		96.098.096.454	210.382.581.230
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		239.277.135	665.447.064
3.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	20.5	1.812.742	51.448.978
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	20.6	802.017.576.095	549.184.854.467
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		789.798.723.735	537.189.461.327
4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		12.218.852.360	11.995.393.140
5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	20.6	695.169.000	3.547.000

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		36.666.764.887	28.242.072.402
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	01.1	21.1	30.937.392.246	22.413.474.955
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	01.2	21.2	-	119.780.537
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	01.3	21.3	5.729.372.641	5.708.816.910
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	21.3	37.340.100.004	30.213.238.352
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	21.3	136.938.728.860	122.727.646.425
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		33.392.833.651	34.011.836.392
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		2.181.768.629	2.300.861.192
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11		536.094.492	496.398.592
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+03+06+09+11)	20		247.056.290.523	217.992.053.355
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		5.976.765.577	2.667.952.696
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	21.1	21.1	5.954.243.827	2.482.655.397
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	21.2	21.2	17.050	171.297.299
<i>c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	21.3		22.504.700	14.000.000
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26		54.724.274	44.054.801
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	22	89.002.355.310	94.961.960.385
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		2.465.179.672	1.792.330.324
2.5. Chi phí khác	32		31.621.104	6.759.570
Cộng chi phí hoạt động (40=21+26+27+30+32)	40		97.530.645.937	99.473.057.776

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		3.951.135.709	2.691.328.051
3.2. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	441.901.841
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42+44)	50	23	3.951.135.709	3.133.229.892
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		47.983.566.545	30.017.932.502
4.2. Chi phí tài chính khác	55		12.983.417.609	18.783.318.879
Cộng chi phí tài chính (60=52+55)	60	24	60.966.984.154	48.801.251.381
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
	62	25	64.608.758.410	55.177.100.786
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)				
	70		27.901.037.731	17.673.873.304
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71		15.339.999	39.936.903
7.2. Chi phí khác	72		-	491.489.485
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71)	80		15.339.999	(451.552.582)
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)				
	90		27.916.377.730	17.222.320.722
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		27.916.394.780	17.273.837.484
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(17.050)	(51.516.762)
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN				
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	26	5.583.278.956	4.173.885.641
			5.583.278.956	4.173.885.641
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)				
	200		22.333.098.774	13.048.435.081
10.1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		22.333.098.774	13.048.435.081
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
	500		22.333.098.774	13.048.435.081
11.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	27	230	135

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	27.916.377.730	17.222.320.722
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	(44.504.127.829)	(43.056.489.945)
- Khấu hao tài sản cố định	03	13.472.120.608	13.071.595.099
- Các khoản dự phòng	04	22.869.583	-
- Chi phí lãi vay	06	47.983.566.545	30.017.932.502
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	2.270.904.485	3.223.060.353
- Dự thu tiền lãi	08	(108.253.589.050)	(89.369.077.899)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	17.050	171.297.299
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	17.050	171.297.299
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	-	(119.780.537)
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	-	(119.780.537)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	90.531.270.115	(327.186.372.092)
- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	506.659.130.870	(633.913.749.737)
- Thay đổi các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	241.000.000.000	(550.000.000.000)
- Thay đổi các khoản cho vay	33	(678.165.208.791)	814.079.575.521
- Thay đổi phải thu bán các tài sản tài chính	35	50.988.510	(91.801.710)
- Thay đổi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	98.711.974.761	76.442.573.173
- Thay đổi các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	(67.754.120)	251.173.835
- Thay đổi các khoản phải thu khác	39	357.057.915	(522.979.945)
- Thay đổi các tài sản khác	40	(2.942.616.861)	(2.638.235.016)
- Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(16.675.198.533)	2.327.358.791
- Thay đổi chi phí trả trước	42	(777.872.841)	(2.001.004.708)
- Thuế TNDN đã nộp	43	(5.050.897.158)	(3.693.941.540)
- Lãi vay đã trả	44	(51.789.580.591)	(25.334.396.942)
- Thay đổi phải trả cho người bán	45	(246.373.292)	844.401.192
- Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(1.103.649.441)	(1.760.782.986)
- Thay đổi phải trả người lao động	48	(49.179.650)	40.630.441
- Thay đổi phải trả, phải nộp khác	50	620.449.337	(1.196.404.461)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	-	55.920.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	-	(74.708.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	73.943.537.066	(352.969.024.553)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(3.969.441.000)	(2.475.873.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	3.951.135.709	2.691.328.051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(18.305.291)	215.455.051
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	73	7.670.755.650.089	4.166.846.527.402
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(7.666.155.650.089)	(3.788.386.527.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	4.600.000.000	378.460.000.000
IV. Thay đổi tiền thuần trong năm	90	78.525.231.775	25.706.430.498
V. Tiền đầu năm	101	69.031.549.737	43.325.119.239
- Tiền	101.1	69.031.549.737	43.325.119.239
VI. Tiền cuối năm	103	147.556.781.512	69.031.549.737
- Tiền	103.1	147.556.781.512	69.031.549.737

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: VND

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	54.492.711.623.572	56.345.454.150.930
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(55.925.587.581.173)	(57.203.434.821.356)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	70.682.524.844.501	71.701.206.525.206
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(68.996.816.165.272)	(71.240.423.044.940)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	169.059.830.319	93.031.637.818
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(168.368.208.319)	(93.150.755.393)
Thay đổi tiền thuần trong năm	20	253.524.343.628	(397.316.307.735)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	30	549.188.401.467	946.504.709.202
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	31	549.188.401.467	946.504.709.202
theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	338.088.924.195	937.273.218.873
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	211.048.028.294	8.801.820.457
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	51.448.978	429.669.872
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	40	802.712.745.095	549.188.401.467
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	41	802.712.745.095	549.188.401.467
theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	706.373.558.764	338.088.924.195
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	96.337.373.589	210.048.028.294
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	1.812.742	51.448.978

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		Năm nay		Năm nay		Năm nay	
		Năm trước	Tăng	Năm trước	Tăng	Năm trước	Tăng
I. Biến động vốn chủ sở hữu		1.464.772.069.316	13.048.435.081	-	22.333.115.824	1.477.820.504.397	1.500.153.603.171
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	1.480.000.000.000	-	-	-	1.480.000.000.000	1.480.000.000.000
1.1. Vốn góp chủ sở hữu		970.000.000.000	-	-	-	970.000.000.000	970.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		510.000.000.000	-	-	-	510.000.000.000	510.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	18	1.321.976.000	-	-	-	1.321.976.000	1.321.976.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	(16.549.906.684)	13.048.435.081	-	22.333.115.824	(3.501.471.603)	18.831.627.171
3.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(16.601.767.901)	13.099.951.843	-	22.333.115.824	(3.501.816.058)	18.831.299.766
3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		51.861.217	(51.516.762)	-	-	344.455	327.405
Tổng cộng		1.464.772.069.316	13.048.435.081	-	22.333.115.824	1.477.820.504.397	1.500.153.603.171


Trần Thị Minh Hiền
Người lập


Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán HFT, là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 10/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 02 năm 2003 với số vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VND và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 02 năm 2003 với mã số doanh nghiệp: 0101294902. Vốn điều lệ của Công ty được chấp thuận tăng lên 970.000.000.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 127/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh được đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 11 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán; kinh doanh chứng khoán phái sinh và các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 108 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 95 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán, kinh doanh chứng khoán phái sinh và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 (“Thông tư 121”) quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư, theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- f) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ nêu trên. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Điểm e Khoản 4 Điều 28, Thông tư 121.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 28 tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc tại thời điểm ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Giá mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Các chi phí giao dịch này được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá trị thị trường so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá trị thị trường so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ (-) đi các khoản giảm trừ khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tương tự như các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường, chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá lại hoặc chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá trị thị trường của các chứng khoán này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được xác định bằng với giá gốc cộng với lãi dự thu (nếu có) hoặc theo phương pháp định giá nội bộ của Công ty.

Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập;
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ phải thu, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán: Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán, hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động tư vấn và dịch vụ khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản khác	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 07 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, phí bảo lãnh và thu xếp khoản vay, phí bảo trì và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

Doanh thu

Doanh thu từ đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán).

Thu nhập lãi từ tài sản tài chính

Thu nhập lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức nhận được bằng tiền được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Các khoản doanh thu liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên Báo cáo tình hình tài chính.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí hoạt động tự doanh, chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh trên cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	147.556.781.512	67.031.549.737
Tiền gửi ký quỹ	-	2.000.000.000
	147.556.781.512	69.031.549.737

5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
Của công ty chứng khoán	20.263.391	13.916.928.149.657
Cổ phiếu	-	-
Trái phiếu	19.676.386	4.127.389.835.715
Chứng khoán khác	587.005	9.789.538.313.942
Của nhà đầu tư	6.656.238.444	111.094.301.934.285
Cổ phiếu	6.173.571.783	110.363.428.695.340
Trái phiếu	1.004.802	103.024.040.395
Chứng khoán khác	481.661.859	627.849.198.550

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	10.980.695	11.308.100	10.980.695	11.325.150
Trái phiếu niêm yết	26.010.156.550	26.010.156.550	24.712.654.249	24.712.654.249
Trái phiếu chưa niêm yết	105.080.772.254	105.080.772.254	439.420.724.135	439.420.724.135
Chứng chỉ tiền gửi	102.646.576.000	102.646.576.000	276.263.257.290	276.263.257.290
Tổng cộng	233.748.485.499	233.748.812.904	740.407.616.369	740.407.960.824

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	309.000.000.000	750.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	200.000.000.000	-
Tổng cộng	509.000.000.000	750.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi đến 12 tháng và lãi suất từ 5,2% đến 7,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: kỳ hạn đến 12 tháng và lãi suất từ 5,0% đến 9,3%/năm). Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 13).

Các khoản cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	1.277.041.328.646	761.528.436.675
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	272.710.836.781	110.058.519.961
Tổng cộng	1.549.752.165.427	871.586.956.636

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Đơn vị: VND

Tài sản tài chính	Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch đánh giá lại	
	Giá mua	Giá trị đánh giá lại	Tăng	Giảm
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
Cổ phiếu niêm yết	10.980.695	11.308.100	1.715.600	(1.388.195)
Trái phiếu niêm yết	26.010.156.550	26.010.156.550	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	105.080.772.254	105.080.772.254	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	102.646.576.000	102.646.576.000	-	-
Tổng cộng	233.748.485.499	233.748.812.904	1.715.600	(1.388.195)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tài sản tài chính	Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch đánh giá lại	
	Giá mua	Giá trị đánh giá lại	Tăng	Giảm
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
Cổ phiếu niêm yết	10.980.695	11.325.150	1.715.600	(1.371.145)
Trái phiếu niêm yết	24.712.654.249	24.712.654.249	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	439.420.724.135	439.420.724.135	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	276.263.257.290	276.263.257.290	-	-
Tổng cộng	740.407.616.369	740.407.960.824	1.715.600	(1.371.145)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	40.813.200	91.801.710
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bán trái phiếu niêm yết</i>	<i>40.813.200</i>	<i>91.801.710</i>
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	31.492.430.524	21.950.816.235
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự thu tiền lãi hoạt động cho vay ký quỹ</i>	<i>13.551.493.487</i>	<i>6.743.145.163</i>
<i>Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán</i>	<i>182.553.468</i>	<i>40.734.092</i>
<i>Dự thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>17.758.383.569</i>	<i>15.166.936.980</i>
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	128.333.712	60.579.592
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán</i>	<i>128.333.712</i>	<i>60.579.592</i>
	31.661.577.436	22.103.197.537
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số dư phải thu có khả năng thu hồi</i>	<i>31.615.838.270</i>	<i>22.103.197.537</i>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phần mềm OOS	300.000.000	-
Công ty TNHH Agiletech Việt Nam	199.500.000	-
Công ty TNHH Sở hữu Trí tuệ Hải Hân	133.694.000	133.694.000
Công ty Cổ phần Clever Group	9.261.000	486.233.796
Khác	32.400.000	24.326.700
	674.855.000	644.254.496

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Phí bảo lãnh thanh toán	3.484.551.934	2.954.138.187
Chi phí phần mềm	1.141.458.524	562.545.634
Trả trước tiền thuê nhà và học phí cho con cái của người nước ngoài	965.788.879	1.062.987.135
Chi phí mua dữ liệu và internet	1.268.798.676	310.853.750
Chi phí tiếp thị thương hiệu và tuyển dụng	157.929.552	287.041.830
Chi phí trả trước khác	261.875.558	305.803.453
	7.280.403.123	5.483.369.989
Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ	1.196.540.525	1.975.173.055
Chi phí phần mềm	34.951.876	84.928.040
Chi phí mua dữ liệu và internet	91.408.362	14.574.598
Khác	443.319.034	710.704.397
	1.766.219.797	2.785.380.090

10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	20.525.892.109	2.289.176.344	99.572.000	22.914.640.453
Tăng trong năm	-	386.541.000	-	386.541.000
Số dư cuối năm	20.525.892.109	2.675.717.344	99.572.000	23.301.181.453
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	9.047.680.080	1.131.027.787	64.721.787	10.243.429.654
Khấu hao trong năm	3.113.901.550	549.168.399	19.914.396	3.682.984.345
Số dư cuối năm	12.161.581.630	1.680.196.186	84.636.183	13.926.413.999
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	11.478.212.029	1.158.148.557	34.850.213	12.671.210.799
Tại ngày cuối năm	8.364.310.479	995.521.158	14.935.817	9.374.767.454

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.661.097.653 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 967.865.253 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	65.292.467.401	65.292.467.401
Tăng trong năm	3.183.900.000	3.183.900.000
Số dư cuối năm	68.476.367.401	68.476.367.401
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	19.935.470.531	19.935.470.531
Khấu hao trong năm	9.789.136.263	9.789.136.263
Số dư cuối năm	29.724.606.794	29.724.606.794
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	45.356.996.870	45.356.996.870
Tại ngày cuối năm	38.751.760.607	38.751.760.607

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.273.400.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 893.400.000 VND).

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	11.258.848.419	8.758.848.419
Tiền lãi phân bổ	549.989.541	376.854.240
	11.928.837.960	9.255.702.659

13. VAY NGẮN HẠN

Loại vay ngắn hạn	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	1.027.400.000.000	7.670.755.650.089	7.666.155.650.089	1.032.000.000.000
Tổng cộng	1.027.400.000.000	7.670.755.650.089	7.666.155.650.089	1.032.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, bao gồm các khoản vay theo hợp đồng thấu chi và hợp đồng tín dụng có kỳ hạn dưới 12 tháng với lãi suất từ 3,8% - 6,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: lãi suất đối với các khoản vay thấu chi từ 5,5% - 5,9%/năm với các tổ chức tín dụng trong nước và lãi suất đối với khoản vay nước ngoài có thời hạn dưới 12 tháng với lãi suất thả nổi SOFR 3M cộng 1,60%/năm). Các khoản vay tại cuối năm 2022 đã tắt toán trong năm 2023.

Các khoản vay này cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty. Trong đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản vay với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm, Ngân hàng Công nghiệp Hàn Quốc – Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd – Chi nhánh Đồng Nai được đảm bảo bằng thư tín dụng dự phòng và bảo lãnh thanh toán của Công ty mẹ với giá trị lần lượt là 410.000.000.000 VND và 73.500.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty có giá trị ghi sổ lần lượt là 309.000.000.000 VND và 200.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 300.000.000.000 VND).

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	2.557.935.500	2.370.896.435
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)	240.737.661	200.398.783
	2.798.673.161	2.571.295.218

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	118.245.238	72.380.817
Công ty Luật TNHH Yulchon	24.840.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	17.050.000	17.050.000
Khác	112.755.000	399.232.209
	272.890.238	488.663.026

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	389.385.106	5.583.278.956	5.050.897.158	921.766.904
Thuế thu nhập cá nhân	6.947.774.891	73.840.277.134	74.943.926.575	5.844.125.450
Thuế nhà thầu	-	2.147.828.548	2.147.828.548	-
Thuế khác	-	56.609.450	56.609.450	-
	7.337.159.997	81.627.994.088	82.199.261.731	6.765.892.354

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay tổ chức tín dụng và đối tượng khác	1.753.820.073	5.559.834.119
Chi phí phải trả hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	-	10.738.622.585
Khác	914.268.101	628.803.855
	2.668.088.174	16.927.260.559

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	970.000.000.000	510.000.000.000	1.321.976.000	(16.549.906.684)	1.464.772.069.316
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.048.435.081	13.048.435.081
Số dư đầu năm nay	970.000.000.000	510.000.000.000	1.321.976.000	(3.501.471.603)	1.477.820.504.397
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.333.098.774	22.333.098.774
Số dư cuối năm nay	970.000.000.000	510.000.000.000	1.321.976.000	18.831.627.171	1.500.153.603.171

Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
VND	VND

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành

97.000.000	97.000.000	970.000.000.000	970.000.000.000
------------	------------	-----------------	-----------------

Cổ phiếu đang lưu hành
Cổ phiếu phổ thông

97.000.000	97.000.000	970.000.000.000	970.000.000.000
------------	------------	-----------------	-----------------

19. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Lỗ) đã thực hiện chưa phân phối cuối năm trước	(3.501.816.058)	(16.601.767.901)
Lãi đã thực hiện năm nay	22.333.115.824	13.099.951.843
Lãi/(Lỗ) đã thực hiện chưa phân phối cuối năm	18.831.299.766	(3.501.816.058)

20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

20.1 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSDC CỦA CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	98.743.810.000	4.466.110.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	40.000.000	91.000.000
	98.783.810.000	4.557.110.000

20.2 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSDC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	5.549.790.635.000	3.369.924.740.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	5.603.800.000	736.670.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	5.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	242.081.154.000	141.457.320.000
	5.797.480.589.000	3.512.118.730.000

20.3 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSDC VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	47.082.060.000	7.061.920.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	1.320.000.000
	47.082.060.000	8.381.920.000

20.4 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	706.373.558.764	338.088.924.195
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	706.373.558.764	338.088.924.195
2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	96.337.373.589	211.048.028.294
2.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	96.098.096.454	210.382.581.230
2.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	239.277.135	665.447.064
	802.710.932.353	549.136.952.489

20.5 TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.812.742	51.448.978
	1.812.742	51.448.978

20.6 PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	802.017.576.095	549.184.854.467
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	789.798.723.735	537.189.461.327
1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài	12.218.852.360	11.995.393.140
2. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	695.169.000	3.547.000
	802.712.745.095	549.188.401.467



21. THU NHẬP

21.1 LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch		Lãi bán chứng khoán	
				VND	VND	Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	127.136.819
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	796.000
3	Trái phiếu niêm yết	2.855.786	306.196.093.170	303.215.365.968	2.980.727.202	2.980.727.202	706.234.839
4	Trái phiếu chưa niêm yết	4.389.272	1.575.659.263.779	1.564.762.820.769	10.896.443.010	10.896.443.010	9.478.898.343
5	Công cụ thị trường tiền tệ	73.411	4.464.136.477.799	4.447.076.255.765	17.060.222.034	17.060.222.034	12.100.408.354
					30.937.392.246		22.413.474.955

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch		Lỗ bán chứng khoán	
				VND	VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay	Lỗ bán chứng khoán năm trước
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	106.136.517
2	Trái phiếu niêm yết	1.627.704	169.225.669.746	169.604.238.528	378.568.782	378.568.782	344.321.750
3	Trái phiếu chưa niêm yết	1.900.000	184.172.000.000	187.596.833.335	3.424.833.335	3.424.833.335	2.023.430.000
4	Công cụ thị trường tiền tệ	220.104	524.895.709.979	527.046.551.689	2.150.841.710	2.150.841.710	8.767.130
					5.954.243.827		2.482.655.397

21.2 CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm		Chênh lệch đánh giá lại đầu năm		Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	
				VND	VND	VND	VND	VND	VND
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	233.748.485.499	233.748.812.904	327.405	344.455	-	(17.050)		
1	Có phiếu niêm yết	10.980.695	11.308.100	327.405	344.455	-	(17.050)		
2	Trái phiếu niêm yết	26.010.156.550	26.010.156.550	-	-	-	-		
3	Trái phiếu chưa niêm yết	105.080.772.254	105.080.772.254	-	-	-	-		
4	Chứng chỉ tiền gửi	102.646.576.000	102.646.576.000	-	-	-	-		
	Tổng cộng	233.748.485.499	233.748.812.904	327.405	344.455	-	(17.050)		

21.3 CỔ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH, PHẢI THU VÀ CHO VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	5.729.372.641	5.708.816.910
Cổ phiếu	-	6.070.748
d Trái phiếu	3.579.687.709	5.702.746.162
Chứng chỉ tiền gửi	2.149.684.932	-
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.340.100.004	30.213.238.352
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	136.938.728.860	122.727.646.425
Lãi hoạt động cho vay	109.232.974.920	96.272.232.446
Lãi hoạt động ứng trước tiền bán	27.705.753.940	26.455.413.979
	180.008.201.505	158.649.701.687

22. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch	29.566.530.479	29.925.845.705
Chi phí lương	25.675.642.628	21.658.581.466
Chi phí khấu hao	12.536.552.286	12.582.310.539
Chi phí quảng cáo, marketing	9.016.863.569	16.632.272.701
Chi phí dịch vụ tin học	4.587.161.262	3.861.910.350
Khác	7.619.605.086	10.301.039.624
	89.002.355.310	94.961.960.385

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.951.135.709	2.691.328.051
Doanh thu khác về đầu tư	-	441.901.841
	3.951.135.709	3.133.229.892

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng và khác	47.983.566.545	30.017.932.502
Chi phí đầu tư khác	12.983.417.609	18.783.318.879
	60.966.984.154	48.801.251.381

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	45.604.758.985	38.379.778.820
Chi phí văn phòng phẩm	134.261.244	97.094.588
Chi phí công cụ, dụng cụ	590.389.698	774.372.858
Chi phí khấu hao TSCĐ	935.568.322	489.284.560
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.116.772.355	3.530.711.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.164.162.354	11.851.238.424
Khác	62.845.452	54.619.821
	64.608.758.410	55.177.100.786

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	27.916.377.730	17.222.320.722
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(125.851.285)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ (chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ)	17.050	171.297.299
Thu nhập chịu thuế	27.916.394.780	17.267.766.736
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.583.278.956	3.453.553.347
Thuế thu nhập bổ sung các năm trước	-	720.332.294
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.583.278.956	4.173.885.641

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	22.333.098.774	13.048.435.081
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	97.000.000	97.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	230	135

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hanwha Investment & Securities Co., Ltd	Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hanwha Investment & Securities Co., Ltd		
Chi phí bảo lãnh	6.222.040.194	5.914.388.404

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hanwha Investment & Securities Co., Ltd Chi phí trả trước	3.484.551.934	2.954.138.187

Thu nhập của Tổng Giám đốc được trả trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Giám đốc	5.418.528.110	6.667.535.155

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động của Công ty cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo kiểm toán.



Trần Thị Minh Hiền
Người lập



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

